

**TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 6 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

Với Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tường Vân,

Ông Nguyễn Ngọc Thành.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Lệ Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022 /QĐST-HNGĐ, ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T – Sinh năm 1977

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn Th - Sinh năm 1972;

Đều trú tại: Thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Văn C – Sinh năm 1983

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh T

2. Bà Nguyễn Thị S – Sinh năm: 1942

Trú tại: Thôn 8 , xã Th1, huyện V, tỉnh T

3. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, Th phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H – Chức vụ: Giám đốc ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Vĩnh Lộc – Bắc Thanh Hóa.

Địa chỉ: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Vĩnh Lộc – Bắc Thanh Hóa; Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

4. UBND xã Th1, huyện V, tỉnh T.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Th1, huyện V, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Th1.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông Th; Vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hoàng Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh T ngày 01/12/1998. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian dài, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hòa hợp được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2021 đến nay. Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Hoàng Văn Th.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Văn Q - Sinh ngày 10/9/1999 (Giới tính nam); Hoàng Văn H - Sinh ngày 30/7/2001 (giới tính Nam) và Hoàng Anh T1 – Sinh ngày 12/02/2013 (Giới tính nữ). Hiện nay hai cháu Hoàng Văn Q và Hoàng Văn H đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Hoàng Anh T1 cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, cháu còn nhỏ hiện đang ở với bà T. Khi ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T1 cho đến khi cháu thành niên và yêu cầu ông Hoàng Văn Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định. Tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà, vì bà T đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về tài sản: Bà T đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm 03 thửa đất: 01 Lô đất thửa số 57 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.305 m² trong đó đất ở là 400 m², đất trồng cây lâu năm 905 m² tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất; 01 lô đất thửa số 562, tờ bản đồ số 11 diện tích 490 m² (trong đó đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 290 m²) tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất gồm có 01 nhà 04 gian cấp 4, nhà bếp, nhà vệ sinh, các công trình xây dựng khác; 01 Lô đất thửa số 1085, tờ bản đồ số 15 diện tích 622 m² tại thôn 7, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà T rút một phần yêu cầu về tài sản, không yêu cầu Toà án giải quyết đối với: 01 Lô đất thửa số 57 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.305 m² trong đó đất ở là 400 m², đất trồng cây lâu năm 905 m² tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất vì vợ chồng bà thống nhất và đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho người khác; 01 lô đất thửa số 562, tờ bản đồ số 11 diện tích 490 m² (trong đó đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 290 m²) tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa **và các tài sản gắn liền với đất** vì thửa đất này hiện nay đang có sự sai lệch giữa hiện trạng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà đang đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, chỉnh lý. Bà T đề nghị Tòa án kiến nghị với các cơ quan hữu quan khác chỉnh lý, sửa chữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để phù hợp với hiện trạng thửa đất mà gia đình bà đã sử dụng ổn định lâu nay. Bà T đề nghị chia quyền sử dụng đất cho vợ chồng là 01 thửa đất số 1085, tờ bản đồ số 15 diện tích 622 m² tại thôn 7, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất này trong quá trình giải quyết vụ án bà và ông Th đã thống nhất chia làm hai phần: phần 1 là diện tích đất có mặt đường quốc lộ chiều rộng là 12m, kéo dài xuống hết khu đất; phần 2 là diện tích đất không có mặt đường quốc lộ nằm phía sau giáp ranh với đất nhà ông V và ông Đ. Khi ly hôn bà đề nghị chia đôi diện tích đất phần 1 cho bà và ông Th, diện tích đất phần 2 giao cho bà quản lý, sử dụng, bà sẽ có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về quyền sử dụng đất cho ông Th.

- Các vật dụng trong gia đình gồm: 02 tủ bảo ôn; 01 ô tô tải porter biển kiểm soát 36C- 217.15; Đồ mỹ nghệ gồm: 01 bàn ăn xoay đế bàn bằng tượng gỗ mỹ nghệ, 01 tượng gỗ di lạc, 01 tượng gạc ma, 03 ông phúc – lộc – thọ, 01 tượng rồng, cá mỹ nghệ, 01 bàn gỗ mỹ nghệ điêu khắc; 01 xe mô tô SH mode biển kiểm soát 36 B4 – 830.78 màu xanh than; 01 xe mô tô SH 150i màu đỏ biển kiểm soát 36E – 136.99. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà T không yêu cầu Toà án giải quyết đối với 01 chiếc xe mô tô SH 150i màu đỏ biển kiểm soát 36E – 136.99 vì vợ chồng bà đã thống nhất cho con. Bà T đề nghị được quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô SH mode biển kiểm soát 36 B4 – 830.78 màu xanh than, 01 tủ bảo ôn. Tài sản còn lại để ông Th quản lý sử dụng.

Khi ly hôn bà T đề nghị chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung.

- Vợ chồng có thầu chợ Th1 vào ngày 25/5/2014 của UBND xã Th1, lúc nhận thầu là nhận mặt bằng và 01 nhà hàng thịt, hàng cá. Vợ chồng đầu tư xây tường ki ốt đồ bê tông mặt bằng. Thời hạn giao thầu là 30 năm (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2044); Giá trị hợp đồng là 1.135.145.880 đồng. Trong đó: Tổng số tiền mà bên A (UBND xã Vĩnh Th1) phải trừ cho bên B đã bỏ vốn ban đầu xây dựng chợ mỗi tháng là $2.153.183 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 25.838.196 \text{ đồng} \times 30 \text{ năm} = 775.146.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền mà bên B (vợ chồng ông Th, bà Thủy) phải nộp vào ngân sách xã hàng tháng là $1.000.000 / \text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 12.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ năm} = 360.000.000 \text{ đồng}$. Phương thức thanh toán tiền mặt, nộp vào ngân sách xã vào ngày 25 hàng tháng. Nay bà T đề nghị bà và ông Th được quyền thay phiên nhau quản lý chợ, mỗi người được quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi giao cho người kia, số thời gian còn dư lại vẫn được giao theo chu kỳ cho người tiếp theo quản lý. Trong thời gian ai quản lý thì người đó phải có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách xã Th1 theo hợp đồng đã ký kết. Bà T yêu cầu được quản lý chợ trước, thời gian quản lý chợ bắt đầu tính từ ngày xét xử.

Về công nợ: Vợ chồng bà T, ông Th có vay nợ một số người sau: vay của ông Hoàng Văn C, cư trú tại thôn K, xã H, huyện H số tiền 100.000.000đ. Vay của bà Nguyễn Thị S cư trú tại thôn 8, xã Th1 số tiền 120.000.000đ đồng. Vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vĩnh Lộc số tiền 1.462.500.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà T rút toàn bộ yêu cầu về phần công nợ chung của vợ chồng, không yêu cầu Toà án giải quyết vì vợ chồng bà đã thanh toán trả hết số tiền nợ cho ông C, bà S và Ngân hàng.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Hoàng Văn Th trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh T ngày 01/12/1998. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong gia đình nên bà T đã làm đơn xin ly hôn. Ông Th cho rằng những mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng thì gia đình nào cũng có. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông vẫn rất yêu thương vợ, con. Ông Th mong muốn bà T suy nghĩ lại và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng ông trở về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Văn Q - Sinh ngày 10/9/1999 (Giới tính nam); Hoàng Văn H - Sinh ngày 30/7/2001 (giới tính Nam) và Hoàng Anh T1 – Sinh ngày 12/02/2013 (Giới tính nữ). Hiện nay hai cháu Hoàng Văn Q và Hoàng Văn H đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Hoàng Anh T1 cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực,

cháu còn nhỏ. Nếu trường hợp xấu nhất xảy ra vợ chồng phải ly hôn ông Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T1 cho đến khi cháu thành niên, ông Th không yêu cầu bà T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông.

Về tài sản chung: Ông Th đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm 03 thửa đất: 01 Lô đất thửa số 57 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.305 m² trong đó đất ở là 400 m², đất trồng cây lâu năm 905 m² tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất; 01 lô đất thửa số 562, tờ bản đồ số 11 diện tích 490 m² (trong đó đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 290 m²) tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trên đất có 01 nhà 04 gian cấp 4, nhà bếp, nhà vệ sinh, các công trình xây dựng khác; 01 Lô đất thửa số 1085, tờ bản đồ số 15 diện tích 622 m² tại thôn 7, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà ông Th không yêu cầu Toà án giải quyết đối với: 01 Lô đất thửa số 57 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.305 m² trong đó đất ở là 400 m², đất trồng cây lâu năm 905 m² tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất vì vợ chồng ông thống nhất và đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho người khác; 01 lô đất thửa số 562, tờ bản đồ số 11 diện tích 490 m² (trong đó đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 290 m²) tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản gắn liền với đất vì thửa đất này hiện nay đang có sự sai lệch giữa hiện trạng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông đang đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, chỉnh lý. Tại phiên toà ông Th đề nghị chia quyền sử dụng đất cho vợ chồng là 01 thửa đất số 1085, tờ bản đồ số 15 diện tích 622 m² tại thôn 7, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất này trong quá trình giải quyết vụ án ông và bà T đã thống nhất chia làm hai phần: phần 1 là diện tích đất có mặt đường quốc lộ chiều rộng là 12m, kéo dài xuống hết khu đất; phần 2 là diện tích đất không có mặt đường quốc lộ nằm phía sau giáp ranh với đất nhà ông Vích và ông Đình. Khi ly hôn ông đề nghị chia đôi diện tích đất phần 1 cho ông và bà T, diện tích đất phần 2 giao cho một người quản lý, sử dụng, ông Th ưu tiên cho bà T được chọn, ai được quyền sử dụng diện tích đất phần 2 sẽ có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về quyền sử dụng đất cho người kia.

- Các vật dụng trong gia đình gồm: 02 tủ bảo ôn; 01 ô tô tải porter 36C- 217.15; Đồ mỹ nghệ gồm: 01 bàn ăn xoay đế bàn bằng tượng gỗ mỹ nghệ, 01 tượng gỗ di lạc, 01 tượng gạc ma, 03 ông phúc – lộc – thọ, 01 tượng rồng, cá mỹ nghệ, 01 bàn gỗ mỹ nghệ điêu khắc; 01 xe mô tô SH mode biển kiểm soát 36 B4 – 830.78 màu xanh than, 01 xemô tô SH 150i màu đỏ biển kiểm soát 36E – 136.99.

Tại phiên toà ông Th không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản là chiếc xe mô tô SH 150i màu đỏ biển kiểm soát 36E – 136.99, vì vợ chồng ông đã thống nhất cho con. Khi ly hôn ông Th đề nghị chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung. Ông

Th đề nghị giao cho bà T được sử dụng 01 chiếc xe mô tô SH mode biển kiểm soát 36 B4 – 830.78 màu xanh than, 01 tủ bảo ôn. Tài sản còn giao cho ông Th được quyền quản lý sử dụng.

- Vợ chồng có thầu chợ Th1 vào ngày 25/5/2014 của UBND xã Th1, lúc nhận thầu vợ chồng ông Th nhận mặt bằng và 01 nhà hàng thịt, hàng cá. Vợ chồng đầu tư xây tường ki ốt đổ bê tông mặt bằng. Quá trình giải quyết vụ án ông Th, bà T và đại diện UBND xã Th1 đã thống nhất ông Th, bà T mỗi người được quyền thay phiên nhau quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi giao cho người kia, ông Th đồng ý để bà T quản lý chợ trước. Trong thời gian ai quản lý chợ người đó phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách xã theo như hợp đồng. Tại phiên toà, ông Th đề nghị Hội đồng xét xử giao thời gian quản lý chợ cho mỗi người trong vòng 01 năm rồi sẽ giao lại cho người kia, số thời gian còn dư lại vẫn được giao theo chu kỳ cho người tiếp theo quản lý, thời gian quản lý chợ bắt đầu tính từ ngày xét xử.

Về công nợ: Vợ chồng có vay của anh Hoàng Văn C số tiền 100.000.000đ. Vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 120.000.000đ. Vay nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vĩnh Lộc số tiền 1.462.500.000đ. Hiện nay vợ chồng ông Th đã thanh toán trả hết số tiền nợ này cho ông C, bà S và Ngân hàng nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn C trình bày:* Ông là em trai ruột của bà T. Ngày 24/01/2019, ông có cho vợ chồng bà T, ông Th vay 100.000.000 đồng ngày 25/01/2022, vợ chồng bà T, ông Th đã trả hết số tiền nợ trên cho ông. Nên ông C không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S trình bày:* Năm 2019, bà có cho vợ chồng ông Th, bà T vay số tiền là 120.000.000 đồng. Trong quá trình Toà án giải quyết vợ chồng bà T, ông Th đã trả hết số tiền nợ đã vay cho bà. Nên bà S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Vĩnh Lộc trình bày: Năm 2016 và năm 2020 Ngân hàng có cho vợ chồng bà T, ông Th vay một số tiền. Ngày 13/01/2022, vợ chồng bà T, ông Th đã tắt toán xong toàn bộ hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Hiện nay bà T, ông Th không liên quan đến các hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Nên Ngân hàng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Th1 có quan điểm: Ngày 25/12/2014, UBND xã Th1 và vợ chồng ông Th, bà T có ký kết hợp đồng về việc giao nhận thầu quản lý, thu phí chợ Hòm xã Th1. Thời hạn giao thầu là 30 năm (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2044); Giá trị hợp đồng

là 1.135.145.880 đồng. Trong đó: Tổng số tiền mà bên A (UBND xã Th1) phải trả cho bên B đã bỏ vốn ban đầu xây dựng chợ mỗi tháng là $2.153.183 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 25.838.196 \text{ đồng} \times 30 \text{ năm} = 775.146.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền mà bên B (vợ chồng anh Th, chị T) phải nộp vào ngân sách xã hàng tháng là $1.000.000 / \text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 12.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ năm} = 360.000.000 \text{ đồng}$. Phương thức thanh toán tiền mặt, nộp vào ngân sách xã vào ngày 25 hàng tháng.

Nay UBND xã Th1 vẫn tiếp tục giao cho ông Th, bà T nhận thầu quản lý, thu phí chợ Hòm xã Th1 trong thời gian còn lại, UBND xã Th1 cũng thống nhất với ý kiến của bà T và ông Th là bà T, ông Th mỗi người được quyền thay phiên nhau quản lý chợ, mỗi người được quản lý trong vòng 03 năm rồi giao cho người kia, bà T quản lý chợ trước. Trong thời gian ai quản lý chợ người đó phải có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách xã theo như hợp đồng đã ký kết ngày 25/12/2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Do các đương sự không thỏa thuận được về giá trị và phương thức phân chia các tài sản chung, nên bà T đã có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thẩm định và định giá tài sản.

Ngày 05/01/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc đã tiến hành định giá tài sản trên và xác định giá trị như sau:

- Thửa đất số 1085, tờ bản đồ số 15 (bản đồ địa chính xã Th1), diện tích 622m^2 tại thôn 7, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Trong đó ông Th, bà T đã chuyển nhượng cho gia đình ông Lê Hồng V diện tích $2\text{m} \times 13,3\text{m} = 26,6\text{m}^2$. Diện tích còn lại là: $595,4\text{m}^2$ chia làm hai phần:

Phần 1: Diện tích $433,2\text{m}^2 = 1.212.960.000 \text{ đồng}$.

Phần 2: Diện tích $162,2\text{m}^2 = 454.160.000 \text{ đồng}$.

Tổng trị giá thửa đất là: 1.667.120.000 đồng (một tỷ sáu trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Đồ mỹ nghệ điêu khắc (05 món) gồm: 01 Đế bàn uống nước, 02 ông tượng Đạt ma + Di lặc, 03 ông tượng Phúc – Lộc – Thọ, 01 bàn uống nước điêu khắc, 01 bức kệ cá chép hoá rồng. Trị giá 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- 01 ô tô tải Porter biển kiểm soát 36C – 217.15 trị giá 306.000.000 đồng

- 02 tủ bảo ôn Sanaky mỗi tủ trị giá 2.000.000 đồng $\times 2 \text{ cái} = 4.000.000 \text{ đồng}$.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH mode mua năm 2016 Biển kiểm soát 36B4 – 830.78 trị giá 16.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà T, ông Th không thống nhất được yêu cầu định giá là: 2.243.120.000 đồng (hai tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị T, xử cho bà T được ly hôn ông Hoàng Văn Th.

+ Về con chung: Giao con chung là Hoàng Anh T1 – Sinh ngày 12/02/2013 (Giới tính nữ) cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hoàng Văn Th không phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T vì bà T không có yêu cầu.

+ Về tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với những tài sản mà bà T rút yêu cầu. Đối với số tài sản còn lại chia đôi giá trị tài sản chung cho bà T và ông Th. Chia cho bà Hoàng Thị T quản lý, sử dụng diện tích đất là 378,8m² trị giá 1.060.640.000đồng (trong đó: ½ diện tích đất phần 1 là 216,6m² chiều rộng 6m, chiều dài 36,1m và toàn bộ diện tích đất phần 2 là 162,2m²). Chia cho ông Th quản lý và sử dụng 1/2 diện tích đất phần 1 là 216,6m² chiều rộng 6m, chiều dài 36,1m trị giá 606.480.000 đồng.

Các tài sản khác của bà T, ông Th được phân chia như sau:

Chia cho bà T: 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng; 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH mode mua năm 2016 Biển kiểm soát 36B4 – 830.78 trị giá 16.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà T được nhận bao gồm cả quyền sử dụng đất là: 1.078.640.000 đồng.

- Chia cho ông Th: Đồ mỹ nghệ điêu khắc (05 món) gồm: 01 Đế bàn uống nước, 02 ông tượng Đạt ma + Di lặc, 03 ông tượng Phúc – Lộc – Thọ, 01 bàn uống nước điêu khắc, 01 bức kệ cá chép hoá rồng. Trị giá 250.000.000 đồng; 01 ô tô tải Porter biển kiểm soát 36C – 21715 trị giá 306.000.000 đồng; 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng.

Tổng tài sản ông Th được nhận bao gồm cả quyền sử dụng đất là: 1.164.480.000 đồng.

Ông Hoàng Văn Th phải phải trả chênh lệch về tài sản cho bà Hoàng Thị T số tiền là: 42.920.000đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) Bà Hoàng

Thị T được nhận tiền chênh lệch tài sản chung do ông Th giao là: 42.920.000đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Về quản lý chợ: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà T, ông Th mỗi người được quyền quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi giao cho người kia. Trong thời gian ai quản lý chợ người đó phải có trách nhiệm nộp tiền vào Ngân sách xã Th1 theo hợp đồng đã ký kết. Bà T được quyền quản lý chợ trước.

+ Về công nợ: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vì bà T rút yêu cầu về chia công nợ chung của vợ chồng.

- Về án phí: Bà T, ông Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn đối với ông Hoàng Văn Th có hộ khẩu thường trú tại xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hg, tỉnh T vào ngày 01/12/1998. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp được. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ khi bà T ra chợ để ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Nay bà Hoàng Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Th không còn nữa nên đề nghị cho bà được ly hôn với ông Th. Ông Hoàng Văn Th xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T vẫn còn nên ông Th đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng ông được đoàn tụ nhưng bản thân ông Th cũng không có giải pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Hoàng Thị T được ly hôn ông Hoàng Văn Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Văn Q - Sinh ngày 10/9/1999 (Giới tính nam); Hoàng Văn H - Sinh ngày 30/7/2001 (giới tính Nam) và Hoàng Anh T1 – Sinh ngày 12/02/2013 (Giới tính nữ). Hiện nay hai cháu Hoàng Văn Q và Hoàng Văn H đã đủ tuổi trưởng thành nên bà T, ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Hoàng Anh T1, đang còn nhỏ, cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T1 ở cùng với bà T. Khi ly hôn bà T và ông Th đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thư và hai bên đều không yêu cầu bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th đều có nguyện vọng được nuôi con đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh và để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển về trí lực và thể lực cho cháu bé, thấy rằng: Bà T và ông Th đều có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Cháu T1 là nữ, hiện nay cháu đang còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc gần gũi của mẹ, từ khi bố mẹ sống ly thân đến nay cháu T1 ở cùng với mẹ, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu về mọi mặt nên giao cháu T1 cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Hoàng Thị T không yêu cầu ông Hoàng Văn Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T có quyền làm đơn yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

Ông Hoàng Văn Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm ông thực hiện quyền này và ông có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung của vợ chồng. Đây là sự tự nguyện của bà T và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về chia công nợ chung của bà T là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với một số tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 Lô đất thửa số 57 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.305 m² trong đó đất ở là 400 m², đất trồng cây lâu năm 905 m² tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất vì vợ chồng bà thống nhất và đã chuyển

nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho người khác; 01 lô đất thửa số 562, tờ bản đồ số 11 diện tích 490 m² (trong đó đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 290 m²) tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản gắn liền với đất vì thửa đất này hiện nay đang có sự sai lệch giữa hiện trạng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà đang đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, chỉnh lý; 01 xe mô tô SH 150i màu đỏ biển kiểm soát 36E – 136.99 vì vợ chồng bà đã thống nhất cho con. Đây là sự tự nguyện của bà T và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đình chỉ xét xử đối với những tài sản mà bà T rút yêu cầu là phù hợp.

Đối với những tài sản chung vợ chồng bà T, ông Th thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết gồm:

- Thửa đất số 1085, tờ bản đồ số 15 (bản đồ địa chính xã Th1), diện tích 622m² tại thôn 7, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Trong đó ông Th, bà T đã chuyển nhượng cho gia đình ông Lê Hồng V diện tích 2m x 13,3m = 26,6m². Diện tích còn lại là: 595,4m² chia làm hai phần: Phần 1: Diện tích 433,2m² = 1.212.960.000 đồng; Phần 2: Diện tích 162, 2m² = 454.160.000 đồng. Tổng trị giá thửa đất là: 1.667.120.000 đồng.

- Đồ mỹ nghệ điêu khắc (05 món) gồm: 01 Đế bàn uống nước, 02 ông tượng Đạt ma + Di lặc, 03 ông tượng Phúc – Lộc – Thọ, 01 bàn uống nước điêu khắc, 01 bức kệ cá chép hoá rồng. Trị giá 250.000.000 đồng.

- 01 ô tô tải Porter biển kiểm soát 36C – 21715 trị giá 306.000.000 đồng.

- 02 tủ bảo ôn Sanaky mỗi tủ trị giá 2.000.000 đồng x 2 cái = 4.000.000 đồng.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH mode mua năm 2016 Biển kiểm soát 36B4 – 830.78 trị giá 16.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng bà T, ông Th là: 2.243.120.000 đồng (Hai tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án bà T, ông Th đề nghị chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung. Do các bên không thỏa thuận được về giá trị tài sản chung và cách phân chia, nên căn cứ vào Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Cụ thể:

- Bà T được chia giá trị tài sản là 1.121.560.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

- Ông Th được chia giá trị tài sản là 1.121.560.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

Bà T đề nghị được quản lý, sử dụng 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng; 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH mode mua năm 2016 Biển kiểm soát 36B4 – 830.78 trị giá 16.000.000 đồng. Ông Th đề nghị được quản lý, sử dụng Đồ mỹ nghệ

điều khắc (05 món) gồm: 01 Đế bàn uống nước, 02 ông tượng Đạt ma + Di lặc, 03 ông tượng Phúc – Lộc – Thọ, 01 bàn uống nước điều khắc, 01 bức kệ cá chép hoá rồng. Trị giá 250.000.000 đồng; 01 ô tô tải Porter biển kiểm soát 36C – 21715 trị giá 306.000.000 đồng; 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng. Đây là yêu cầu chính đáng của bà T, ông Th và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

** Giao cho bà T quyền sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm:*

- Về đất: Giao cho bà T quản lý và sử dụng diện tích đất là 378,8m² trị giá 1.060.640.000 đồng (trong đó: ½ diện tích đất phần 1 là 216,6m² chiều rộng 6m, chiều dài 36,1m và toàn bộ diện tích đất phần 2 là 162,2m²). Đất phần 1 kéo dài từ mặt đường quốc lộ đến hết phần đất cạnh hướng Đông giáp phần đất chia cho ông Th dài 36,1m; Phía Nam là mặt đường quốc lộ rộng 6m; Phía Tây giáp phần đất nhà ông Lê Hồng V dài 23,9m, giáp đất phần 2 dài 12,2m; Phía Bắc giáp đất nông nghiệp rộng 6m. Đất phần 2 phía Nam giáp phần đất nhà ông Lê Hồng V và phần đất nhà ông Trịnh Văn Đ rộng 13,3m; Phía Tây giáp đất nông nghiệp dài 12,2m; Phía Bắc giáp đất nông nghiệp rộng 13,3m; Phía Đông giáp với phần đất 1 của bà T.

- 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng;

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH mode mua năm 2016 Biển kiểm soát 36B4 – 830.78 trị giá 16.000.000 đồng.

Tổng tài sản bà T được nhận là: 1.078.640.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

** Giao cho ông Th quyền sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm:*

- Về đất: Giao cho ông Th quản lý và sử dụng 1/2 diện tích đất phần 1 là 216,6m² chiều rộng 6m, chiều dài 36,1m trị giá 606.480.000 đồng. Đất phần 1 kéo dài từ mặt đường quốc lộ đến hết phần đất. Cạnh hướng Đông giáp phần đất nhà ông Phạm Văn Th dài 36,1m; Phía Nam là mặt đường quốc lộ rộng 6m; Phía Tây giáp phần đất chia cho bà T dài 36,1m; Phía Bắc giáp đất nông nghiệp rộng 6m.

- Đồ mỹ nghệ điều khắc (05 món) gồm: 01 Đế bàn uống nước, 02 ông tượng Đạt ma + Di lặc, 03 ông tượng Phúc – Lộc – Thọ, 01 bàn uống nước điều khắc, 01 bức kệ cá chép hoá rồng. Trị giá 250.000.000 đồng.

- 01 ô tô tải Porter biển kiểm soát 36C – 217.15 trị giá 306.000.000 đồng.

- 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng.

Tổng tài sản ông Th được nhận là: 1.164.480.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Hoàng Văn Th phải phải trả chênh lệch về tài sản cho bà Hoàng Thị T số tiền là: 42.920.000đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Bà Hoàng

Thị T được nhận tiền chênh lệch tài sản chung do ông Th giao là: 42.920.000đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

* Đối với quyền quản lý chợ Th1: Ngày 25/12/2014, UBND xã Th1 và vợ chồng ông Th, bà T có ký kết hợp đồng về việc giao nhận thầu quản lý, thu phí chợ Hòm xã Th1. Thời hạn giao thầu là 30 năm (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2044). Lúc nhận thầu vợ chồng ông Th, bà T nhận mặt bằng và 01 nhà hàng thịt, hàng cá. Vợ chồng đầu tư xây tường ki ốt đổ bê tông mặt bằng. Quá trình giải quyết vụ án bà T, ông Th và đại diện UBND xã Th1 đều thống nhất tiếp tục giao chợ Hòm xã Th1 cho ông Th, bà T quản lý. Bà T và ông Th mỗi người được quyền thay phiên nhau quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi sẽ có trách nhiệm giao lại cho người kia quản lý. Bà T được quyền quản lý chợ trước. Trong thời gian ai quản lý chợ người đó phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách xã Th1 theo như hợp đồng.

Tại phiên toà bà T đề nghị giao cho mỗi người được quyền quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi sẽ có trách nhiệm giao lại cho người kia quản lý, số thời gian còn dư lại vẫn được giao theo chu kỳ cho người tiếp theo quản lý. Thời gian quản lý chợ bắt đầu tính từ ngày xét xử. Tại phiên toà, các ý kiến về quản lý chợ ông Th đồng ý với bà T nhưng ông không đồng ý với thời gian quản lý chợ là 03 năm như trước đây các bên đã thoả thuận, ông Th đề nghị mỗi người được quyền quản lý chợ trong vòng 01 năm rồi giao lại cho người kia.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao quản lý chợ trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông Th và đại diện UBND xã Th1 đã thống nhất tiếp tục giao cho bà T, ông Th quản lý, mỗi người được quyền quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi có trách nhiệm giao lại cho người kia. Bên cạnh đó, từ khi bà T và ông Th sống ly thân bà T và cháu Hoàng Anh T1 đang sinh sống tại chợ, ông Th vẫn sinh sống tại nhà trên thửa đất số 562, tờ bản đồ số 11 tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc. Để đảm bảo cuộc sống có chỗ ăn, ở, sinh hoạt ổn định cho bà T và cháu Anh T1 cũng như để các bên có trách nhiệm hơn trong việc bảo quản, sửa chữa chợ nên giao cho mỗi người được quyền quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi sẽ có trách nhiệm giao lại cho người kia quản lý. **Bà T được quyền quản lý chợ trước** rồi sẽ có trách nhiệm giao lại cho ông Th quản lý luân phiên, số thời gian còn dư lại vẫn được giao theo chu kỳ cho người tiếp theo quản lý. Thời gian quản lý chợ bắt đầu tính từ ngày xét xử.

[6] Về chi phí tố tụng: Do các đương sự không thỏa thuận được về giá trị và phương thức phân chia các tài sản chung, nên bà T đã có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thẩm định và định giá tài sản. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của bà T, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu chia quyền quản lý chợ là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản mà mình được chia là: 45.646.800 đồng.

Tổng số tiền án phí bà T phải nộp là: 46.096.800đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Nhưng bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là: 28.675.000đ (hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005555 ngày 07/5/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Bà T còn phải nộp 17.421.800 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi một nghìn tám trăm đồng) tiền án phí.

Tổng số tiền án phí ông Th phải nộp là: 45.796.800đ (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng.)

[8] Về các vấn đề khác: Đối với việc sai lệch giữa hiện trạng thửa đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện Vĩnh Lộc, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vĩnh Lộc, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Lộc, UBND xã Th1 tiến hành các thủ tục để điều chỉnh, chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp, khớp với hiện trạng thửa đất mà gia đình ông Hoàng Văn Th, bà Hoàng Thị T đang quản lý, sử dụng lâu nay.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, Điều 6, Điều 24, khoản 2, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về công nợ chung và một phần yêu cầu chia tài sản chung là: 01 Lô đất thửa số 57 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.305 m² trong đó đất ở là 400 m², đất trồng cây lâu năm 905 m² tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản trên đất; 01 lô đất thửa số 562, tờ bản đồ số 11 diện tích 490 m² (trong đó đất ở 200 m², đất trồng cây lâu năm 290 m²) tại thôn 5, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản gắn liền với đất; 01 xe mô tô SH 150i màu đỏ biển kiểm soát 36E – 136.99.

2. Về hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị T được ly hôn ông Hoàng Văn Th.

3. Về con chung: Giao con chung Hoàng Anh T1 – Sinh ngày 12/02/2013 (Giới tính nữ) cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (18 tuổi). Ông Hoàng Văn Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.

Bà T có quyền làm đơn yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác. Ông Hoàng Văn Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở ông thực hiện quyền này và ông có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con.

4. Về tài sản chung: Xác nhận bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th có khối tài sản chung trị giá: 2.243.120.000 đồng (hai tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Chia cho bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn Th mỗi người được giá trị tài sản là 1.121.560.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

4.1. Về đất: Xác nhận bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th có thửa đất số 1085, tờ bản đồ số 15 (bản đồ địa chính xã Th1), diện tích 622m² tại thôn 7, xã Th1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Trong đó ông Th, bà T đã chuyển nhượng cho gia đình ông Lê Hồng V diện tích 2m x 13,3m = 26,6m². Diện tích còn lại là: 595,4m² chia làm hai phần: Phần 1: Diện tích 433,2m² = 1.212.960.000 đồng; Phần 2: Diện tích 162,2m² = 454.160.000 đồng. Tổng trị giá thửa đất là: 1.667.120.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Chia cho bà Hoàng Thị T quản lý, sử dụng diện tích đất là 378,8m² trị giá 1.060.640.000 đồng (trong đó: ½ diện tích đất phần 1 là 216,6m² chiều rộng 6m, chiều dài 36,1m và toàn bộ diện tích đất phần 2 là 162,2m²). Đất phần 1 kéo dài từ mặt đường quốc lộ đến hết phần đất cạnh hướng Đông giáp phần đất chia cho ông Th dài 36,1m; Phía Nam là mặt đường quốc lộ rộng 6m; Phía Tây giáp phần đất nhà ông Lê Hồng V dài 23,9m, giáp đất phần 2 dài 12,2m; Phía Bắc giáp đất nông nghiệp rộng 6m. Đất phần 2 phía Nam giáp phần đất nhà ông Lê Hồng V và phần đất nhà ông Trịnh Văn Đ rộng 13,3m; Phía Tây giáp đất nông nghiệp dài 12,1m; Phía Bắc giáp đất nông nghiệp rộng 13,3m; Phía Đông giáp với phần đất 1 của bà T.

- Chia cho ông Th quản lý và sử dụng 1/2 diện tích đất phần 1 là 216,6m² chiều rộng 6m, chiều dài 36,1m trị giá 606.480.000 đồng. Đất phần 1 kéo dài từ mặt đường quốc lộ đến hết phần đất. Cạnh hướng Đông giáp phần đất nhà ông Phạm Văn Th dài 36,1m; Phía Nam là mặt đường quốc lộ rộng 6m; Phía Tây giáp phần đất chia cho bà T dài 36,1m; Phía Bắc giáp đất nông nghiệp rộng 6m.

Ranh giới đất được chia cho bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th được kéo dài thành một đường thẳng từ hướng Nam (Đường quốc lộ) sang hướng Bắc (Giáp đất nông nghiệp). Cạnh phía Tây lấy tường nhà ông Lê Hồng V làm chuẩn, kéo dài về phía đất được giao cho bà T là 6m (có sơ đồ kèm theo).

4.2. Các tài sản khác của bà T, ông Th được phân chia như sau:

- Chia cho bà T: 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng; 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH mode mua năm 2016 Biển kiểm soát 36B4 – 830.78 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên bà Hoàng Thị T trị giá 16.000.000 đồng.

- Chia cho ông Th: Đồ mỹ nghệ điêu khắc (05 món) gồm: 01 Đế bàn uống nước, 02 ông tượng Đạt ma + Di lặc, 03 ông tượng Phúc – Lộc – Thọ, 01 bàn uống nước điêu khắc, 01 bức kệ cá chép hoá rồng. Trị giá 250.000.000 đồng; 01 ô tô tải Porter biển kiểm soát 36C – 217.15 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông Hoàng Văn Th trị giá 306.000.000 đồng; 01 tủ bảo ôn Sanaky trị giá 2.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà T được nhận bao gồm cả quyền sử dụng đất là: 1.078.640.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng tài sản ông Th được nhận bao gồm cả quyền sử dụng đất là: 1.164.480.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Hoàng Văn Th phải phải trả chênh lệch về tài sản cho bà Hoàng Thị T số tiền là: 42.920.000đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) Bà Hoàng Thị T được nhận tiền chênh lệch tài sản chung do ông Th giao là: 42.920.000đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4.3. Đối với quyền quản lý chợ Th1: Giao cho bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th mỗi người được quyền thay phiên nhau quản lý chợ, mỗi người được quản lý chợ trong vòng 03 năm rồi có trách nhiệm giao lại cho người kia, bà T được quyền quản lý chợ trước, số thời gian còn dư lại vẫn được giao theo chu kỳ cho người tiếp theo quản lý. Thời gian quản lý chợ bắt đầu tính từ ngày xét xử (02/6/2022) cho đến khi hợp đồng giữa UBND xã Th1 và bà T, ông Th kết thúc.

Trong thời gian ai quản lý chợ người đó phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách xã Th1 theo như hợp đồng đã ký kết giữa UBND xã Th1 và gia đình ông Hoàng Văn Th ngày 25/12/2014.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu chia quyền quản lý chợ là 150.000 đồng

và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản mà mình được chia là: 45.646.800 đồng.

Tổng số tiền án phí bà T phải nộp là: 46.096.800đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Nhưng bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là: 28.675.000đ (hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005555 ngày 07/5/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Bà T còn phải nộp 17.421.800 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi một nghìn tám trăm đồng) tiền án phí.

Tổng số tiền án phí ông Th phải nộp là: 45.796.800đ (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng.)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà T và ông Th, vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang